TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 28 - 7 - 2023
V/v "chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Hồng Vỹ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 31/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc "Chia tài sản thuộc sở hữu chung, chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Lê Thị D, sinh năm 1936; Địa chỉ: Số 22, đường H3, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có mặt

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 22, đường H 3, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1954; Địa chỉ: đường H 3, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có mặt

3.2. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1969; Địa chỉ: số 164 đường H 1, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có mặt.

3.3. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Tr, xã Kr, thành phố K, tỉnh KT, vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị L, ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn C*: Ông Trần Huy T, sinh năm 1974; địa chỉ: 56 Lê Văn Kh, tổ 12, khu vực 2, phường Nh, thành phố Q, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 24/02/2023), có mặt.

3.4. Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Ông Đặng Văn Kh, sinh năm 1966; Địa chỉ: số 142, đường đường H 1, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có mặt

3.6. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 22, đường H 3, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Anh Đặng Quốc D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 12, đường H 3, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.8. Chị Đặng Thị Kiều D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 12 đường H 3, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.9. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có mặ, có mặt.

3.10. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1974; Địa chỉ: số 164, đường H 1, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

3.11. Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1993; Địa chỉ: số 164, đường H 1, thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có mặt.

3.12. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn V, xã V, huyện VT, tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Đặng Thị L, ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cụ Lê Thị Dung trình bày: Chồng cụ là Đặng Văn Đ, sinh năm 1932, chết ngày 26/9/2007, không lập di chúc. Vợ chồng cụ có 08 người con chung là: Đặng Thị L, Đặng Thị L1, Đặng Văn Kh, Đặng Văn T (chết ngày 03/11/2004 có 02 người con là Đặng Quốc D và Đặng Thị Kiều D), Đặng Văn S, Đặng Văn H, Đặng Văn C, Đặng Thị M. Cụ Đặng Văn Đ có một con riêng là Đặng Thị T. Cha mẹ chồng tên Đặng Văn Nh, Nguyễn Thị H đều chết trước cụ Đ.

Quá trình chung sống, vợ chồng cụ tạo lập được thửa đất số 428, diện tích 700m^2 tại thôn H, xã Nh, thị xã A, được UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00445/I5/QSDĐ ngày 30/9/1996 đứng tên Đặng Văn Đ. Năm 1977, vợ chồng cụ xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, mái

tôn, nền đất. Quá trình sử dụng không có tu bổ, sửa chữa nên nhà xuống cấp, hư dột, nên tháng 3.2021, cụ chủ trương phá dỡ nhà và thông báo cho các con biết, phế liệu thu được cụ nói các con ai muốn sử dụng thì lấy, còn cụ không sử dụng. Trên thửa đất hiện có 01 ngôi nhà do vợ chồng Đặng Văn H xây dựng. Cụ đang chung sống với vợ chồng ông H.

Ngoài ra, hộ gia đình cụ còn được giao sử dụng 03 thửa ruộng: thửa số 61, diện tích 1339m^2; thửa số 821 diện tích 1317m^2; thửa số 180 diện tích 1056m^2, đều thuộc tờ bản đồ số 8 tại xã Nh, thị xã A. Tại thời điểm giao đất hộ gia đình cụ có 07 nhân khẩu: cụ Đặng Văn Đ (chủ hộ), cụ (Lê Thị D), Đặng Văn S, Nguyễn Thị Kh (vợ S), Đặng Quốc T (con S), Đặng Văn C, Đặng Thị M. Khi cụ Đây còn sống, gia đình đã thỏa thuận chia ruộng cho các thành viên trong hộ gia đình sử dụng, cụ thể: Thửa số 821 (tục danh D4) chia cho vợ chồng cụ 0.5 sào, Đặng Văn S 01 sào, Đặng Thị M 01 sào. Hiện thửa đất do M và S sử dụng để mai cảnh; Thửa đất số 61 (tục danh B6) chia cho vợ chồng cụ và Đặng Văn C. Hiện thửa đất do Đặng Thị M sử dụng; Thửa đất số 180 chia cho hộ gia đình Đặng Văn S, hiện vợ chồng S sử dụng.

Do các con mâu thuẫn về chuyện phân chia đất đai, cụ muốn khi còn sống phân chia tài sản cho các con, nên cụ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của chồng Đặng Văn Đ đối với 04 thửa đất trên theo quy định pháp luật. Cụ tự nguyện tặng toàn bộ phần tài sản được chia cho con trai Đặng Văn H.

- Bị đơn ông Đặng Văn H trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của cụ Lê Thị D về nguồn gốc tài sản tranh chấp, mối quan hệ gia đình. Thời điểm nhà nước cân đối giao quyền ruộng đất ông không có tên trong hộ gia đình cha mẹ.

Trước đây, vợ chồng ông (Đặng Văn H – Nguyễn Thị M) sinh sống, làm ăn ở xã Ph, huyện T. Năm 1998, cha mẹ gọi vợ chồng ông về, cho một khoảnh đất để xây dựng nhà ở. Do ngôi nhà nhỏ, không đủ để gia đình ông sinh hoạt nên vào năm 2019, các anh chị em trong gia đình thống nhất cho vợ chồng ông xây nới rộng nhà về phía trước, loại nhà cấp 4 có gác lỡ, kết cấu tường gạch, mái tole, nền gạch ceramic, có trần la phong nhựa, diện tích xây dựng khoảng 100m^2. Hiện cụ D đang sống với vợ chồng ông tại nhà đất thuộc thửa đất 428.

Ông thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị D. Ông yêu cầu nhận hiện vật là phần đất mà vợ chồng ông đã xây dựng nhà và tính giao lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác. Ông không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết số tiền 20.000.000đồng mà vợ chồng ông đã đưa cho ông Đặng Văn C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn S trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản tranh chấp và mối quan hệ gia đình và nhân khẩu được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất.

Trước đây, trên thửa đất số 428 có 02 ngôi nhà: ngôi nhà của cha mẹ xây dựng và ngôi nhà của vợ chồng Đặng Văn H –Nguyễn Thị M. Vào tháng 05/2021, mẹ và các chị em Đặng Thị L, Đặng Văn H, Đặng Thị M tự ý tháo dỡ ngôi nhà của cha

mẹ, hiện không còn hiện trạng. Trên thửa đất hiện còn ngôi nhà cấp 4 do vợ chồng Đặng Văn H – Nguyễn Thị M xây dựng vào năm 2019.

Về các thửa đất ruộng, khi cha (Đặng Văn Đ) còn sống đã chỉ định ruộng cho các thành viên trong hộ sử dụng, cụ thể:

- Thửa đất số 821 (tục danh D4): gia đình ông sử dụng 1,5 sào, Đặng Thị M sử dụng 01 sào. Hiện thửa ruộng do ông và bà Đặng Thị M sử dụng để mai cảnh.

- Thửa số 61 (tục danh B6): Đặng Văn C sử dụng 01 sào, phần còn lại của cha mẹ. Thửa đất hiện do Đặng Thị M sử dụng;

- Thửa số 180: gia đình ông sử dụng.

Ông thống nhất yêu cầu khởi kiện của mẹ Lê Thị D. Ông yêu cầu phân chia ruộng đất Nhà nước cấp cho 07 nhân khẩu rồi mới chia tài sản thừa kế của cha theo quy định pháp luật. Đối với phần tài sản của cụ D, cụ cho ai là quyền của cụ, ông không có ý kiến. Đối với di sản của cha, ông đề nghị trích 30% di sản để làm nhà từ đường. Ông yêu cầu nhận bằng hiện vật và đồng ý giao quyền sử dụng đất chung với ông Đặng Văn Kh, bà Đặng Thị L và ông Đặng Văn C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nguồn gốc đất và mối quan hệ gia đình. Đối với phần tài sản của cụ D, cụ D quyết định bà không có ý kiến. Còn di sản của cha (Đặng Văn Đ), bà yêu cầu chia theo pháp luật và đề nghị trích 30% di sản để làm nhà từ đường. Bà xin nhận bằng hiện vật và đồng ý giao quyền sử dụng đất chung với Đặng Văn Kh, Đặng Văn S, Đặng Văn C.

Ngày 08/9/2022, bà Đặng Thị L nộp đơn yêu cầu người tháo dỡ ngôi nhà của cha mẹ có trách nhiệm xây lại nhà để thờ cúng ông bà và yêu cầu chia giá trị các tài sản có trong nhà của cha mẹ trước khi dỡ gồm: Án giò nai và bộ đồ thờ, 01 tủ bupphe, 01 cái giường hộp 1,2m, 01 bộ bàn chữ U, 04 ghế tựa, 01 tủ đứng, 01 bộ bàn ghế salon, tất cả làm bằng gỗ hương. Hiện Đặng Văn H đang sử dụng Áng giò nai, bộ đồ thờ, bàn chữ U, tủ bupphe và 02 ghế tựa; bà sử dụng 02 ghế tựa; còn bộ bàn ghế salon cụ D bán cho ông Võ Văn S; những tài sản còn lại không ai sử dụng. Phế liệu thu được khi dỡ nhà gồm: 06 bộ cửa đi bằng gỗ; 05 bộ cửa sổ bằng gỗ (đang chất trước nhà Đặng Văn H, không ai sử dụng) và nhiều cây đà bằng gỗ, bán cho Võ Văn S khoảng 4-5 cây, bán cho ông D (không rõ họ chữ đệm, nơi cư trú) 02 cây.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Kh trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn S về nguồn gốc đất và mối quan hệ gia đình. Ngôi nhà của cha mẹ do mẹ Lê Thị D, Đặng Thị L, Đặng Văn H, Đặng Thị M tự tháo dỡ mà không thông báo cho ông biết, nên ông yêu cầu ai tháo dỡ ngôi nhà của cha mẹ phải phục dựng lại như cũ để thẩm định và định giá phân chia thừa kế tài sản của cha. Đối với phần tài sản của cụ D, cụ D quyết định ông không có ý kiến. Còn di

sản của cha (Đặng Văn Đ), ông yêu cầu chia theo pháp luật và đề nghị trích 30% di sản để làm nhà từ đường. Phần ông được hưởng đề nghị nhận bằng hiện vật, vị trí đất là nền móng cũ ngôi nhà của cha mẹ. Đồng ý giao quyền sử dụng đất chung với ông Đặng Văn S, bà Đặng Thị L và ông Đặng Văn C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nguồn gốc đất và mối quan hệ gia đình. Khi cha (cụ Đặng Văn Đ) còn sống có nói để lại nhà đất của cha mẹ cho ông quản lý, thờ cúng ông bà. Sau khi cha chết, ông lập nghiệp ở tỉnh Kon Tum, nhà của cha mẹ do mẹ Lê Thị D quản lý. Trong các năm 2020-2021, tình hình dịch Covid căng thẳng, ông không về quê, mẹ cùng các anh chị ở quê đã tự ý đập phá ngôi nhà của cha mẹ mà không thông báo cho ông biết. Trên đất hiện có ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông Đặng Văn H – Nguyễn Thị M xây dựng.

Ông yêu cầu phân chia ruộng đất Nhà nước cấp cho 07 nhân khẩu rồi mới chia thừa kế tài sản của cha. Ông yêu cầu nhận hiện vật, vị trí đất là nền móng cũ ngôi nhà của cha mẹ. Đồng ý nhận quyền sử dụng đất chung với ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn S và Đặng Thị L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nguồn gốc đất và mối quan hệ gia đình. Bà tự nguyện tặng kỷ phần thừa kế được chia cho bà Đặng Thị M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị M trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nguồn gốc đất và mối quan hệ gia đình. Bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị D về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản cụ Đặng Văn Đ. Bà đề nghị nhận bằng hiện vật. Yêu cầu chia phần đất nông nghiệp đã cân đối giao quyền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T trình bày: Bà là con riêng của cụ Đặng Văn Đ. Bà tự nguyện tặng cho bà Đặng Thị M kỷ phần thừa kế được chia.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kh trình bày: Bà là vợ của ông Đặng Văn S. Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nguồn gốc đất và mối quan hệ gia đình. Đối với phần đất vườn được nhà nước giao quyền, bà tự nguyện tặng cho chồng (Đặng Văn S) để xây nhà từ đường. Phần đất ruộng bà xin được nhận để canh tác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Quốc T trình bày: anh là con trai ông Đặng Văn S. Đối với phần đất vườn, đất ruộng được nhà nước cân đối giao quyền, anh tự nguyện tặng cho cha Đặng Văn S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Đặng Văn H. Thống nhất lời trình bày và ý kiến của bị đơn Đặng Văn H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Quốc D, chị Đặng Thị Kiều D thống nhất trình bày: Anh chị là con ruột của ông Đặng Văn T, thống nhất mối quan hệ gia đình như bà nội Lê Thị D trình bày. Anh, chị tự nguyện tặng cho cụ Lê Thị D kỷ phần thừa kế được chia.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 201, 227 228, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 212, 213, 219, 623, 649, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị D về việc chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Đặng Văn Đ.

2/ Xác định diện tích 364,9m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 08; 1084,2m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 8; 1311,8m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 8 và 1372,1m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 8 tại thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B đã được cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ ngày 27/9/1993 cho cụ Đặng Văn Đ, cụ Lê Thị D, ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Kh, anh Đặng Quốc T, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị M, mỗi người được cấp 52,13m^2 đất vườn (làm tròn) và 538,3m^2 đất lúa.

3/ Xác định diện tích 200m^2 đất ở thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 08 tại thôn H, xã Nh, thị xã A, tỉnh B là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng cụ Lê Thị D, cụ Đặng Văn Đ, mỗi người được quyền sử dụng 100m^2 đất ở.

4/ Di sản của cụ Đặng Văn Đ là quyền sử dụng 100m^2 đất ở, 52,13m^2 đất vườn (làm tròn) và 538,3m^2 đất lúa, được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là: cụ Lê Thị D, bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn T (chết trước cụ Đặng Văn Đ, có hai con là anh Đặng Quốc D và chị Đặng Thị Kiều D thừa kế thế vị), ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị M và bà Đặng Thị T.

5/ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đặng Quốc D, chị Đặng Thị Kiều D tặng kỷ phần được chia thừa kế cho cụ Lê Thị D. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Lê Thị D tặng toàn bộ phần tài sản được chia cho ông Đặng Văn H.

6/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị T tặng kỷ phần được chia thừa kế cho bà Đặng Thị M.

7/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kh tặng phần đất vườn được cấp theo nhân khẩu cho ông Đặng Văn S. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đặng Quốc T tặng phần đất vườn, đất lúa được cấp theo nhân khẩu cho ông Đặng Văn S.

8/ Chia cho ông Đặng Văn H và bà Đặng Thị M quyền sử dụng diện tích đất

295,5m^2 (trong đó 160m^2 đất ở, 135,5m^2 đất vườn), có 2,9m^2 đất nằm trong hành lang ATGT thuộc thửa số 428, tờ bản đồ số 8 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Đông giáp thửa đất số 427; Tây giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn Kh và bà Đặng Thị L; Bắc giáp thửa đất số 348 và thửa đất số 347; Nam giáp đường Háo Đức 3. Trên phần đất được chia có ngôi nhà và các công trình: nhà kho, hiên, tường rào, cổng ngõ do vợ chồng Đặng Văn H, Nguyễn Thị M xây dựng. (Ký hiệu B).

9/ Chia cho ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn C và bà Đặng Thị L quyền sử dụng diện tích đất 269,4m^2 (trong đó 40m^2 đất ở, 229,4m^2 đất vườn), có 2,4m^2 đất nằm trong hành lang ATGT thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 8 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Đông giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn H và bà Đặng Thị M; Tây giáp thửa đất số 429; Bắc giáp thửa đất số 347; Nam giáp đường Háo Đức 3 (ký hiệu A).

10/ Chia cho ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Kh được quyền sử dụng thửa ruộng số 180, tờ bản đồ số 08, diện tích 1084,2m^2 đất lúa tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

11/ Chia cho bà Đặng Thị M được quyền sử dụng diện tích 699,8m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 08 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Bắc giáp thửa đất số 57; Nam giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn Sỹ; Tây giáp bờ đất; Đông giáp thửa đất số 56 (ký hiệu A).

12/ Chia cho ông Đặng Văn S được quyền sử dụng diện tích 672,3m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 08 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, có giới cận: Bắc giáp phần đất chia cho bà Đặng Thị M; Nam và Tây giáp bờ đất; Đông giáp thửa đất số 56 (ký hiệu B).

13/ Chia cho ông Đặng Văn H được quyền sử dụng diện tích 699,8m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 08 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Bắc giáp thửa đất số 809; Nam giáp bờ đất; Tây giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn C; Đông giáp thửa đất số 60 (ký hiệu B).

14/ Chia cho ông Đặng Văn C được quyền sử dụng diện tích 612,0m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 08 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Bắc giáp thửa đất số 809; Nam giáp bờ đất; Đông giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn C; Tây giáp thửa đất số 62 (ký hiệu A).

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

15/ Buộc ông Đặng Văn S thanh toán giá trị chênh lệch cho ông Đặng Văn Kh số tiền 17.656.240 (mười bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi) đồng; thanh toán cho bà Đặng Thị L số tiền 11.135.600 (mười một triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm) đồng.

16/ Buộc ông Đặng Văn C thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Đặng Thị L số tiền 6.520.640 (sáu triệu, năm trăm hai mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi)đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Đặng Văn C, Đặng Văn S và bà Đặng Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xem xét, đánh giá lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, phân chia tài sản chung và di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, có xem xét nguyện vọng trích 30% di sản thờ cúng trước khi phân chia theo pháp luật; xem xét trình tự thủ tục cấp sơ thẩm áp dụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông S và bà L giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị L, ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C, Đặng Văn S và bà Đặng Thị L trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn C vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; bà Đặng Thị L1, bà Nguyễn Thị M, anh Đặng Quốc D, chị Đặng Thị Kiều D, bà Đặng Thị T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Ông Đặng Văn Kh, bà Nguyễn Thị Kh được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Đặng Thị L, ông Đặng Văn C và Đặng Văn S, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, có căn cứ để xác định: Ngày 30/9/1996, UBND huyện An Nhơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00445/I5/QSDĐ cho hộ gia đình cụ Đặng Văn Đ gồm các thửa đất: Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 08, diện tích 700m^2 (trong đó 200m^2 ODT, 500m^2 CLN), diện tích theo hiện trạng: 564,9m^2; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 08, diện tích 1056m^2 LUC, diện tích theo hiện trạng: 1084,2m^2; Thửa

đất số 61, tờ bản đồ số 08, diện tích 1339m^2 LUC, diện tích theo hiện trạng: 1311,8m^2 ; Thửa đất số 821, tờ bản đồ số 08, diện tích 1317m^2 LUC, diện tích theo hiện trạng: 1372,1m^2, đều tọa lạc tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn.

[2.2] Các đương sự đều thống nhất phần diện tích đất thổ cư là 200m^2 thuộc thửa đất số 428 có nguồn gốc là của cụ Lê Thị D và cụ Đặng Văn Đ và cụ D, cụ Đ đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Do đó phần diện tích đất thổ cư 200m^2 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ D và cụ Đ, nên cụ D và cụ Đ mỗi người được quyền sử dụng 100m^2.

Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm 364,9m^2 thuộc thửa đất số 428 và 3.768,1m^2 đất lúa được cấp cho thành viên hộ gia đình tại thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ với 07 nhân khẩu là: Cụ Đặng Văn Đ, cụ Lê Thị D, ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Kh, anh Đặng Quốc T, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị M. Do đó cụ Lê Thị D, cụ Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Kh, anh Đặng Quốc T, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị M mỗi người được chia 52,13m^2 đất vườn và 538,3m^2 đất lúa.

[2.3] Cụ Đ chết ngày 26/9/2007 không để lại di chúc nên phần di sản của cụ Đây gồm 100m^2 đất thổ cư, 52,13m^2 đất vườn và 538,3m^2 đất lúa được chia theo pháp luật. Cụ Đ và cụ D có 08 người con chung là: Bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn T, ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn C và bà Đặng Thị M. Ngoài ra cụ Đ còn có 01 người con riêng là bà Đặng Thị T. Cha mẹ cụ Đ đều chết trước cụ. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng Văn Đ gồm 10 người là: Cụ Lê Thị D, bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn T (chết), ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn C và bà Đặng Thị M. Ông Đặng Văn T chết ngày 03/11/2004, trước cụ Đây, nên 02 người con là anh Đặng Quốc D và chị Đặng Thị Kiều Dthừa kế thế vị. Nên phần di sản của cụ Đ được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 10 phần gồm: Cụ Lê Thị D, bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn T, Đặng Văn S, Đặng Văn H, Đặng Văn C, bà Đặng Thị M, Đặng Thị T, mỗi kỷ phần được chia gồm: 10m^2 đất ở; 5,21m^2 đất vườn và 53,83m^2 đất lúa.

[3.4] Anh Đặng Quốc D, chị Đặng Thị Kiều D tự nguyện tặng kỷ phần được chia thừa kế cho cụ Lê Thị D. Cụ Lê Thị D tự nguyện tặng toàn bộ phần tài sản được chia cho ông Đặng Văn H. Như vậy, ông Đặng Văn H được nhận quyền sử dụng đất của cụ Lê Thị D và 3 kỷ phần thừa kế với diện tích là: 130m^2 đất ở; 67,76m^2 đất vườn và 699,79m^2 đất lúa.

[3.5] Bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị T tự nguyện tặng kỷ phần được chia thừa kế cho bà Đặng Thị M. Nên bà Đặng Thị M được nhận 30m^2 vất ở; 67,76m^2 đất vườn và 699,79m^2 đất lúa.

[3.6] Bà Nguyễn Thị Kh tự nguyện tặng phần đất vườn được cấp theo nhân

khẩu cho ông Đặng Văn S. Anh Đặng Quốc T tự nguyện tặng phần đất vườn, đất lúa được cấp theo nhân khẩu cho ông Đặng Văn S. Như vậy, ông Đặng Văn S được nhận: 10m^2 đất ở; 161,6m^2 đất vườn và 1130,43m^2 đất lúa.

[3.7] Ông Đặng Văn C được nhận: 10m2 đất ở; 57,34m^2 đất vườn và 592,13m^2 đất lúa;

[3.8] Bà Đặng Thị L, ông Đặng Văn Kh mỗi người được nhận: 10m^2 đất ở; 5,21m^2 đất vườn và 53,83m^2 đất lúa.

[3.9] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có yêu cầu nhận hiện vật nhưng diện tích đất ở được chia thừa kế không đảm bảo diện tích đất tối thiểu để tách thửa. Ông Đặng Văn H và bà Đặng Thị M có nguyện vọng sử dụng chung phần diện tích đất thổ cư và đất vườn, nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Hùng, bà M quyền sử dụng diện tích đất 295,52m^2 (trong đó ông Đặng Văn H được quyền sử dụng 130m^2 đất ở, 67,76m^2 đất vườn; bà Đặng Thị M được quyền sử dụng 30m^2 đất ở và 67,76m^2 đất vườn). Ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn C và bà Đặng Thị L có nguyện vọng sử dụng chung phần diện tích đất thổ cư, đất vườn nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn C và bà Đặng Thị L quyền sử dụng đất có diện tích 269,36m^2 (gồm 40m^2 đất ở, 229,4m^2 đất vườn).

[3.10] Đối với phần diện tích đất lúa: Các bên đều yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật và đều muốn nhận bằng hiện vật. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điều kiện tách thửa, nhu cầu sử dụng và hiện trạng người đang quản lý, sử dụng đất trên thực tế để phân chia tài sản, cụ thể:

Vợ chồng ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Kh hiện đang sử dụng thửa đất số 180 nên chia cho ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Kh được tiếp tục sử dụng thửa đất số 180, tờ bản đồ số 08, diện tích 1084,2m^2 đất lúa (trong đó ông Đặng Văn Sỹ được quyền sử dụng 545,9m^2; bà Nguyễn Thị Kh được quyền sử dụng 538,3m^2).

Đối với thửa đất số 821, tờ bản đồ số 08 thì Bà Đặng Thị M hiện đang sử dụng phần đất ở phía Bắc của thửa đất, còn ông Đặng Văn S đang sử dụng phần đất ở phía Nam của thửa đất. Để phù hợp với thực tế sử dụng đất, chia cho bà Đặng Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 699,79m^2 (làm tròn là 699,8m^2) ở vị trí phía Bắc; chia cho ông Đặng Văn S được quyền sử dụng diện tích đất 672,31m^2 (làm tròn là 672,3m^2) ở vị trí phía Nam.

Chia quyền sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 08: Chia cho ông Đặng Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 699,79m^2 (làm tròn là 699,8m^2) đất lúa ở phía Đông thửa đất. Chia cho ông Đặng Văn C được quyền sử dụng diện tích 612,01m^2 (làm tròn là 612,0m^2) đất lúa ở phía Tây.

Đối với ông ông Đặng Văn Kh, bà Đặng Thị L mỗi người được chia 53,83m2 đất lúa nhưng do không đủ điều kiện tách thửa nên được chia bằng giá trị là: 53,83m^2 x 328.000đ/m^2 = 17.656.240đồng. Ông Đặng Văn S được chia quyền sử dụng đất lúa nhiều hơn 87,78m^2 nên buộc ông Sỹ có trách nhiệm thối giá trị chênh

lệch cho ông Đặng Văn Kh số tiền 17.656.240đồng, thối cho bà Đặng Thị L số tiền 11.135.600đồng. Ông Đặng Văn C được chia quyền sử dụng đất lúa nhiều hơn 19,88m^2 nên buộc ông C có trách nhiệm thối giá trị chênh lệch cho bà Đặng Thị L số tiền 6.520.640đồng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất về nguồn gốc đất và phần diện tích đất các bên được cấp trong tổng số tài sản chung, thừa nhận mối quan hệ gia đình và phần di sản là gồm đất ở, đất vườn và đất lúa như Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia. Do đó, việc Tòa án cấp sở thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của cụ Lê Thị D về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất mà cụ Đ để lại là có căn cứ.

[5] Về việc ông Đặng Văn C Đặng Văn S và Đặng Thị L kháng cáo cho rằng: Ngoài di sản là quyền sử dụng đất thì vợ chồng cụ D và cụ Đ còn di sản thừa kế khác là nhà ở trên đất thổ cư do cụ D và cụ Đ tạo lập nhưng đã bị cụ D phá bỏ năm 2021 mà không có sự đồng ý của ông Kh, ông C, bà L và ông S nhưng cấp sơ thẩm không giải quyết chia trong vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các ông bà. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất trình bày vào năm 1977 vợ chồng cụ D và cụ Đ có xây dựng 01 căn nhà trên phần đất thổ cư cấp cho cụ D và cụ Đ nhưng vào năm 2021 cụ D là người tháo dỡ căn nhà này vì căn nhà đã cũ và hư hỏng. Nhưng nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia phần di sản này vì tài sản không còn. Ngày 19/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng trước đó ông Đặng Văn Kh, Đặng Văn C, Đặng Văn S và bà Đặng Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết chia ngôi nhà. Ngày 08/9/2022, bà Đặng Thị L nộp đơn yêu cầu người tháo dỡ ngôi nhà của cha mẹ có trách nhiệm xây lại nhà để thờ cúng ông bà và yêu cầu chia giá trị các tài sản có trong nhà của cha mẹ trước khi tháo dỡ nhà. Để xem xét yêu cầu của bà Đặng Thị L, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu bà L bổ sung đơn yêu cầu, nhưng bà L không bổ sung đơn theo yêu cầu của Tòa án. Mặt khác, bà Đặng Thị L có đơn yêu cầu sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự không xem xét yêu cầu của bà Đặng Thị L để giải quyết trong vụ án và nhận định bà Đặng Thị L được quyền khởi kiện vụ án khác là đúng quy định. Về viêc bà L cho rằng yêu cầu độc lập của bà được thể hiện trong bản tự khai ngày 18/01/2022, trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hồ sơ vụ án không có bản tự khai nào của của bà Lý đề ngày 18/01/2022. Theo nội dung biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu vào ngày 19/8/2022 bà L trình bày bà thống nhất về tài sản chung, di sản thừa kế, hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày. Bà yêu trích lại 30% di sản đề thờ cúng, phần còn lại mới đem chia. Không có nội dung nào thể hiện bà yêu cầu chia di sản là căn nhà của cha mẹ để lại như kháng cáo của bà nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà. Trường hợp bà

tiếp tục tranh chấp yêu cầu chia phần tài sản là căn nhà do cụ D và cụ Đ xây dựng và đã bị dỡ bỏ vào năm 2021 thì bà có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế trong một vụ án khác.

[6] Về việc ông Đặng Văn C, Đặng Văn S và Đặng Thị L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông bà phần đất thổ cư, đất vườn bên phía phần diện tích đất trống, chia cho bà M phần diện tích đất thổ cư, đất vườn đúng nền móng nhà cũ là không đúng của di nguyện của người để lại di sản và ý nguyện của ông bà. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Tòa án giải quyết chia tài sản tranh chấp là căn cứ theo quy định của pháp luật, vừa đảm bảo quyền lợi của các bên và phải đảm bảo công tác thi hành án. Các ông bà có nguyện vọng được chia đất trên móng nhà cũ nhưng các đương sự còn lại không đồng ý theo yêu cầu của các ông bà và các ông, bà cũng không cung cấp được tại liệu chứng cứ để chứng minh các ông, bà được thừa kế phần đất ở, đất vườn tại vị trí nền móng nhà cũ. Do đó kháng cáo của các ông, bà không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ ghi nhận việc các ông, bà được cha mẹ chia phần ruộng đất và đã sử dụng ổn định từ trước đến nay nhưng lại tính toàn bộ tiền án phí, HĐXX thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế và chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các đương sự không có văn bản thỏa thuận chia tài sản chung đề nghị Tòa án ghi nhận và trong suốt quá trình giải quyết vụ án các đương sự cũng không có sự thỏa thuận với nhau về chia phần đất lúa mà yêu cầu Tòa giải quyết chia theo quy định của pháp luật. Tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định *"Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế"*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được chia là đúng quy định.

[8] Đối với kháng cáo cho rằng các ông bà có ý kiến trích lại 30% di sản trước khi phân chia theo pháp luật nhưng cấp sơ thẩm không giải quyết, HĐXX thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm các ông, bà có trình bày đề nghị được trích lại 30% di sản để thờ cúng, phần còn lại mới đem chia. Đây là ý kiến của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phải là yêu cầu độc lập. Việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng đồng nghĩa với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hay không nhận định ý kiến của các ông bà trong bản án không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[9] Về việc các ông, bà cho rằng bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nhiều mâu thuẫn nhưng không được đối chất, HĐXX thấy rằng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống về di sản thừa kế, số tài sản chung và hàng thừa kế. Các đương sự chỉ không thống nhất việc cụ D tháo dỡ nhà có có sự đồng ý hay không đồng ý của ông Đặng Văn S và bà Đặng Thị L. Tuy nhiên đối với phần tài sản này, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết vì nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu. Chỉ có bà Đặng Thị L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu chia phần di sản này nhưng yêu cầu của bà L đưa ra sau thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên HĐXX sơ thẩm không xem xét yêu cầu của bà L, nên việc tiến hành đối chất giữa các bên về việc cụ D tháo dỡ nhà có sự đồng ý của ông S, bà L hay không là không cần thiết.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung, chia di sản thừa kế là đúng quy định của pháp luật. Do đó HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn C, Đặng Văn S và bà Đặng Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Đặng Văn C, Đặng Văn S và Đặng Thị L không được chấp nhận nên ông ông Cg, ông S và bà L mỗi người phải chịu 300.000đ án phí theo quy định tại khoản 1_Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Tuy nhiên bà L thuộc diện người cao tuổi nên theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 thì bà L được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn C, Đặng Văn ỹ và Đặng Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 212, 213, 219, 623, 649, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn Cường, Đặng Văn Sỹ và Đặng Thị Lý, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị D về việc chia tài sản thuộc sở

hữu chung và chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Đặng Văn Đ.

2/ Xác định diện tích 364,9m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 08; 1084,2m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 8; 1311,8m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 8 và 1372,1m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 8 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đã được cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ ngày 27/9/1993 cho cụ Đặng Văn Đ, cụ Lê Thị D, ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Kh, anh Đặng Quốc T, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị M, mỗi người được cấp 52,13m^2 đất vườn (làm tròn) và 538,3m^2 đất lúa.

3/ Xác định diện tích 200m^2 đất ở thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 08 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng cụ Lê Thị D, cụ Đặng Văn Đ, mỗi người được quyền sử dụng 100m^2 đất ở.

4/ Di sản của cụ Đặng Văn Đ là quyền sử dụng 100m^2 đất ở, 52,13m^2 đất vườn (làm tròn) và 538,3m^2 đất lúa, được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là: cụ Lê Thị Dg, bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn T (chết trước cụ Đặng Văn Đ, có hai con là anh Đặng Quốc D và chị Đặng Thị Kiều D thừa kế thế vị), ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị M và bà Đặng Thị T.

5/ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đặng Quốc D, chị Đặng Thị Kiều D tặng kỷ phần được chia thừa kế cho cụ Lê Thị D. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Lê Thị D tặng toàn bộ phần tài sản được chia cho ông Đặng Văn H.

6/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị T tặng kỷ phần được chia thừa kế cho bà Đặng Thị M.

7/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kh tặng phần đất vườn được cấp theo nhân khẩu cho ông Đặng Văn S. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đặng Quốc T tặng phần đất vườn, đất lúa được cấp theo nhân khẩu cho ông Đặng Văn S.

8/ Chia cho ông Đặng Văn H và bà Đặng Thị M quyền sử dụng diện tích đất 295,5m^2 (trong đó 160m^2 đất ở, 135,5m^2 đất vườn), có 2,9m^2 đất nằm trong hành lang ATGT thuộc thửa số 428, tờ bản đồ số 8 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Đông giáp thửa đất số 427; Tây giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn Kh và bà Đặng Thị L; Bắc giáp thửa đất số 348 và thửa đất số 347; Nam giáp đường Háo Đức 3. Trên phần đất được chia có ngôi nhà và các công trình: nhà kho, hiên, tường rào, cổng ngõ do vợ chồng Đặng Văn H, Nguyễn Thị M xây dựng. (Ký hiệu B).

9/ Chia cho ông Đặng Văn Kh, ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn C và bà Đặng Thị L quyền sử dụng diện tích đất 269,4m^2 (trong đó 40m^2 đất ở, 229,4m^2 đất vườn), có 2,4m^2 đất nằm trong hành lang ATGT thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 8 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Đông giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn H và bà Đặng Thị M; Tây giáp thửa đất số

429; Bắc giáp thửa đất số 347; Nam giáp đường Háo Đức 3 (ký hiệu A).

10/ Chia cho ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Kh được quyền sử dụng thửa ruộng số 180, tờ bản đồ số 08, diện tích 1084,2m^2 đất lúa tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

11/ Chia cho bà Đặng Thị M được quyền sử dụng diện tích 699,8m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 08 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Bắc giáp thửa đất số 57; Nam giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn S; Tây giáp bờ đất; Đông giáp thửa đất số 56 (ký hiệu A).

12/ Chia cho ông Đặng Văn S được quyền sử dụng diện tích 672,3m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 08 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, có giới cận: Bắc giáp phần đất chia cho bà Đặng Thị Mười; Nam và Tây giáp bờ đất; Đông giáp thửa đất số 56 (ký hiệu B).

13/ Chia cho ông Đặng Văn H được quyền sử dụng diện tích 699,8m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 08 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Bắc giáp thửa đất số 809; Nam giáp bờ đất; Tây giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn C; Đông giáp thửa đất số 60 (ký hiệu B).

14/ Chia cho ông Đặng Văn C được quyền sử dụng diện tích 612,0m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 08 tại thôn Háo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, giới cận: Bắc giáp thửa đất số 809; Nam giáp bờ đất; Đông giáp phần đất chia cho ông Đặng Văn C; Tây giáp thửa đất số 62 (ký hiệu A).

15/ Buộc ông Đặng Văn S thanh toán giá trị chênh lệch cho ông Đặng Văn Kh số tiền 17.656.240(mười bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi)đồng; thanh toán cho bà Đặng Thị L số tiền 11.135.600 (mười một triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm) đồng.

16/ Buộc ông Đặng Văn C thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Đặng Thị L số tiền 6.520.640 (sáu triệu, năm trăm hai mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi) đồng.

17/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí cho bà Đặng Thị L vì là người cao tuổi.

- Ông Đặng Văn H phải chịu là 14.313.139 (mười bốn triệu, ba trăm mười ba nghìn, một trăm ba mươi chín) đồng.

- Ông Đặng Văn S phải chịu là 9.952.738 (chín triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi tám) đồng

- Bà Đặng Thị M phải chịu là 6.988.086 (sáu triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn, không trăm tám mươi sáu) đồng.

- Ông Đặng Văn C phải chịu là 4.611.233 (bốn triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng.

- Ông Đặng Văn Kh phải chịu là 1.763.062 (một triệu, bảy trăm sáu mươi ba

nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kh phải chịu là 2.207.030 (hai triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm ba mươi) đồng.

18. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị L được miễn tiền án phí vì là người cao tuổi.

Ông Đặng Văn C, Đặng Văn S mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005643 ngày 13/3/2023 và biên lai thu tiền số 0005642 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

19. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về chi phí thẩm định và định giá tài sản, quyền và nghĩa vụ thi hành án không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

20. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND Tx.An Nhơn;
- CCTHADS Tx.An Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Duy

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND H.Tây Sơn;
- CCTHADS H.Tây Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tuấn **Nguyễn Văn Nghĩa** **Võ Thị Hồng Thu**